

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 7 năm 2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý.

Bà Đinh Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Thân Văn M, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bình A, xã Tiên P, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bình A, xã Tiên P, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Thân Văn M trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 18/11/2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên P, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng anh tại thôn Bình A, xã Tiên P ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi làm công nhân về nhà không quan tâm chăm sóc chồng con như trước nữa, cũng không gần gũi tình cảm với anh. Khi anh gần gũi thì chị T hay cáu gắt

và tránh xa anh nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến cuối năm 2016 chị T đã bỏ ra ngoài chung sống, từ đó đến nay chị T không về chung sống cùng anh nữa. Anh và chị T ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Thân Thị Minh P, sinh ngày 23/7/2011 và cháu Thân Quang M, sinh ngày 02/06/2013. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung là cháu Thân Thị Minh P và Thân Quang M cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang làm nghề thợ xây tự do tại địa phương, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh và chị T không có gì, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho chị T, nhưng chị T không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên toà hôm nay, chị T vắng mặt không có lý do.

Ngày 29/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên tòa, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đề nghị hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có lấy lời khai của cháu Thân Thị Minh P và cháu Thân Quang M, các cháu khai như sau: Các cháu là con của bố Thân Văn M và mẹ Nguyễn Thị T. Hiện nay các cháu đang đi học và ở với bố Thân Văn M và ông bà nội tại thôn Bình A, xã Tiên P, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Trong trường hợp bố mẹ các cháu ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được ở cùng bố cháu, vì bố cháu chăm lo dạy dỗ các cháu từ nhỏ đến nay, mọi sinh hoạt cá nhân và việc học hành của các cháu đều do bố cháu chăm lo, đóng góp.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh M có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai của anh M và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ

án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, bỏ mất quyền của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS; Căn cứ các Điều 51, 53, 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình để xử:

- Quan hệ hôn nhân: Anh Thân Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Con chung: Giao cho anh M nuôi 02 con chung là cháu Thân Thị Minh P, sinh ngày 23/7/2011 và cháu Thân Quang M, sinh ngày 02/06/2013. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh M tự nguyện không yêu cầu chị Thảo phải cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Buộc anh M phải chịu 300.000 đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là anh Thân Văn M đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Thân Văn M là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị T, chị T có nơi cư trú tại Thôn Bình A, xã Tiên P, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Thân Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên P, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh M chị T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi làm công nhân về nhà không quan tâm chăm sóc chồng con như trước nữa, cũng không gần gũi tình cảm vợ chồng với anh M. Khi anh M gần gũi thì chị T hay cáu gắt và tránh xa anh nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến cuối năm 2016 chị T đã bỏ ra ngoài sinh sống, từ đó đến nay chị T không về chung sống cùng anh nữa. Anh và chị T ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Nay, anh M xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh đề nghị được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì thấy: Anh M chị T kết hôn vào năm 2010. Sau khi kết hôn chị T về sinh sống cùng anh M tại địa phương. Theo dư luận thì ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 thì anh M chị T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M và chị T hay cãi nhau, cuối năm 2016 chị T đã bỏ ra ngoài sinh sống, không chung sống cùng anh M nữa. Nay, anh M xin ly hôn chị T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo thông tin thì địa phương được biết chị T đã về quê của chị T ở thôn T, xã Song V, huyện Tân Y sinh sống.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T là bác của chị Nguyễn Thị T, bà T là người thân duy nhất của chị T ở địa phương. Bà T cho biết: Chị T sinh ra ở Thôn T, xã Song V, huyện Tân Y, tỉnh Bắc Giang. Khi chị T 5 tuổi thì bố mẹ chị T ly hôn, mỗi người một nơi, hiện nay không biết ở đâu. Chị T phải sinh sống cùng bà từ khi 5 tuổi đến khi lấy chồng. Chị T và anh M kết hôn năm 2010, kết hôn xong chị T về chung sống cùng anh M tại thôn Bình A, xã Tiên P, huyện Yên D ngay. Ban đầu chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng anh M chị T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bà không nắm được cụ thể. Cuối năm 2016 chị T đã bỏ về Tân Y sinh sống cùng bà, không chung sống cùng anh M nữa. Hiện nay chị T vẫn ở nhà bà nhưng đi làm ăn xa ở Hà N, thì thoảng mới về thăm gia đình bà.

Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án và đã giao lại cho chị T, chị T đã nhận được, ngoài ra Tòa án còn niêm yết các văn bản cho chị T ở địa phương, chị T cũng đã biết. Tuy nhiên, chị T có nói là vì công việc bận nên không đến Tòa án để giải quyết ly hôn được, chị T đồng ý ly hôn anh M và chị cũng nhất trí để anh M nuôi hai con chung là cháu Thân Thị Minh P và cháu Thân Quang M.

Từ những phân tích nêu trên, chứng tỏ hôn nhân giữa anh M và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho anh M được ly hôn với chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Thân Thị Minh P, sinh ngày 23/7/2011 và cháu Thân Quang M, sinh ngày 02/06/2013. Hiện nay 02 con chung đang ở với anh M. Nay, anh M đề nghị được nuôi cả 02 con chung là cháu P và cháu M. Hội đồng xét xử thấy hiện nay 02 con chung đều ở với anh M. Từ năm 2016 cho đến nay chị T bỏ về quê sinh sống, hai con chung vẫn do một mình anh M chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án chị T cũng không lên Tòa án để làm việc. Tại biên bản lấy lời khai với bà T là người thân duy nhất của chị T cũng có khai chị T nhất trí Tòa án giao 02 con chung là cháu Phương cháu M cho anh M nuôi dưỡng. Đồng thời Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của cháu P cháu M, nguyện vọng của hai cháu đều muốn ở với anh M. Do vậy, cần giao 02 con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình;

Sau khi vợ chồng ly hôn chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh M không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Anh M không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Thân Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị T.
2. Về con chung: Giao cho anh Thân Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Thân Thị Minh P, sinh ngày 23/7/2011 và cháu Thân Quang M, sinh ngày 02/06/2013. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.
3. Về án phí: Anh Thân Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng, anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009419 ngày 04/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận anh M đã nộp đủ án phí.
4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hải Lý Đinh Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bắc Giang;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

Nguyễn Thị Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hải Lý Đinh Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Thị Anh